**TÓM TẮT CƠ HỘI KINH DOANH VỚI VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

(Thông tin do Đại sứ quán Cuba cung cấp
gửi các doanh nghiệp có nhu cầu/ý định đầu tư tại Cuba)

**I. DỰ ÁN: SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THỊT GÀ MÁT**

1. **Mục tiêu**

Phát triển chuỗi gia cầm trên cơ sở đầu tư mới cơ sở vật chất hoặc thông qua liên kết theo chuỗi với các đơn /vị sản xuất trong nước có trang trại gà giống sinh sản, trang trại gà sinh sản, trang trại nuôi vỗ béo, cơ sở ấp trứng, nhà máy sản xuất thức ăn, cơ sở giết mổ và chế biến để sản xuất 10 ngàn tấn thịt gà/năm.

Đầu tư nước ngoài được hướng tới khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến, thay thế nhập khẩu, ưu tiên thay thế nhập khẩu lương thực, tiếp cận vốn vay nước ngoài, tạo công ăn việc làm mới, tiếp thu phương thức quản lý và gắn với phát triển chuỗi sản xuất, cũng như thay đổi ma trận năng lượng thông qua việc tận dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

1. **Phạm vi và cơ sở lý luận**

Nâng cao sản xuất thịt gà trên cơ sở khai thác năng lực sản xuất trứng giống và ấp trứng.

Gà giết mổ sẽ có trọng lượng sống 2kg ở ngày tuổi 38, với hệ số chuyển đổi thức ăn/trong lượng sống 1,75kg. Nhu cầu nhập thiết bị để hiện đại hóa công nghệ một dây chuyền giết mổ 3000 con gà/giờ, công suất giết mổ là 24 ngàn con/ngày.

Liên doanh nhằm mục đích phát triển chuỗi nuôi gà vỗ béo từ các giống sinh sản gà thịt, cơ sở ấp trứng, nông trường nuôi gà sinh sản và gà vỗ béo, nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và cơ sở giết mổ và kinh doanh bán buôn.

1. **Hình thức đầu tư**

Hình thức đề xuất là liên doanh theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài số 118.

1. **Đối tác Cuba**

GANADERIAS, S.A, là công ty thương mại quốc tịch Cuba được thành lập theo chứng thư số 383 ngày 31 tháng 10 năm 2018.

1. **Thời hạn liên doanh**

Đề xuất thời hạn liên doanh là 20 năm. Bắt đầu thời hạn liên doanh được tính từ ngày đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Cuba, có thể gia hạn thêm 20 năm nữa theo thỏa thuận của hai Bên và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

1. **Mức đầu tư dự kiến**.

Dự kiến trị giá tổng vốn đầu tư ban đầu là 35,5 triệu USD để tiến hành xây lắp, mua sắm máy móc thiết bị cũng như các hạng mục đầu tư khác và vốn lưu động để đảm bảo sản xuất thit gà theo chuỗi.

Nhà đầu tư nước ngoài sẽ thu xếp nguồn vốn vay và đảm bảo nguồn tài chính với các điều kiện chung về vay vốn.

1. **Địa điểm**: các Bên trong dự án sẽ xác định địa diểm đặt công ty liên doanh

Đề xuất theo tỉnh: huyện thị,

Tỉnh Villa Clara: Santo Domingo, Placetas và Jovellanos

Tỉnh Cienfuegos: Cienfuegos, Cumanayagua và Abreus

Tỉnh Sancti Spiritus: Jatibónico, la Sierpe, Trinidad và Yaguajay.

Tỉnh Ciego de Avila: Ciego de Avila, Baraguá

Tỉnh Camaguey: Camaguey, Florida, Guáimaro, Minas

Tỉnh Las Tunas: Las Tunas, Majibacoa

Tỉnh Granma: Bayamo, Jiguaní, Manzanillo

Tỉnh Holguín: Holguín, Cacocum và Calixto García

Tỉnh Santiago de Cuba: Santiago de Cuba, Contramaestre, 2do Frente, San Luis và Songo la Maya

Tỉnh Guantánamo: Guantánamo và Imias

1. **Thị trường hướng tới của sản phẩm và/hoặc dịch vụ kinh doanh khác**

Các sản phẩm thịt gà sẽ được đưa ra kinh doanh trong thị trường Cuba tại chuỗi các cửa hàng, phục vụ khách du lịch, các công ty có cơ sở đầu tư tại Đặc khu Phát triển Mariel và xuất khẩu.

1. **Kết quả kinh doanh dự kiến**

Dự kiến sản xuất 200 nghìn tấn thịt gà trong suốt vòng đời liên doanh

**Địa chỉ liên hệ**:GANADERIAS S.A

Email:

mdolores.oc@geg.cu

Jblanco.oc@geg.cu.

Cgutierrez.oc@geg.cu.

**II. DỰ ÁN: SẢN XUẤT HEO ĐỂ KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM CHẾ BIẾN TỪ THỊT HEO**

1. **Mục tiêu**

Phát triển chuỗi heo trên cơ sở đầu tư mới cơ sở vật chất hoặc thông qua liên kết theo chuỗi với các đơn vị sản xuất trong nước có trang trại nuôi heo, nhà máy thức ăn gia súc, cơ sở giết mổ và chế biến.

Mục tiêu sản xuất 9 ngàn tấn thịt heo hơi/năm.

Đầu tư nước ngoài được hướng tới khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến, thay thế nhập khẩu, ưu tiên thay thế nhập khẩu lương thực, tiếp cận vốn vay nước ngoài, tạo công ăn việc làm mới, tiếp thu phương thức quản lý và gắn với phát triển chuỗi sản xuất, cũng như thay đổi ma trận năng lượng thông qua việc tận dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

1. **Phạm vi và cơ sở lý luận**

Gia tăng sản xuất chế biến thịt heo trên cơ sở khai thác toàn bộ các năng lực sản xuất lắp đặt. dự kiến đạt 3000 con heo nái nhằm mục đích đạt sản lượng 9000 tấn heo hơi. Heo sống đưa vào giết mổ có trọng lượng sống từ 100 đến 120 kg, được chuyển thành heo máttrong lò giết mổ sẽ được xây dựng trong khuôn khổ của dự án. Lò giết mổ dự kiến sẽ có năng lực thiết kế giết mổ 400 con/ngày, trên cơ sở thời gian hoạt động của lò mổ là 270 ngày và có thể giết mổ 108 ngàn con/năm. Heo mát được chế biến công nghiệp tại một nhà máy chế biến sẽ được xây dựng trong khuôn khổ của dự án liên doanh với mục đích chế biến thành phẩm thịt heo và các sản phẩm từ heo bao gồm cả các loại xúc xích, và hun khói nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm và khả năng cạnh tranh.

Dự kiến phát triển heo giống sinh sản các giống Yorkshire, Landrace, Duroc và CC21, sản xuất thức ăn cho heo, sản xuât tinh, cung cấp dịch vụ cải tạo giống, phục hồi các vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi và tăng cường liên kết chuỗi với các hợp tác xã nông nghiệp để sản xuất 4000 tấn thịt heo hơi.

Nhà đầu tư tùy theo sự quan tâm có thể lựa chọn địa phương để phát triển dự án.

1. **Hình thức đầu tư**

Hình thức đề xuất là thành lập liên doanh theo quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài số 118, đăng trên Công báo nước Cộng hòa Cuba số ra đặc biệt 20 ngày 16 tháng 4 năm 2014.

1. **Đối tác Cuba**

GANADERIAS, S.A là công ty thương mại quốc tịch Cuba được thành lập theo chứng thư số 383 ngày 31 tháng 10 năm 2018.

1. **Thời hạn liên doanh**

Đề xuất thời hạn liên doanh là 25 năm. Bắt đầu thời hạn liên doanh được tính từ ngày đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Cuba, có thể gia hạn thêm 25 năm nữa theo thỏa thuận của hai Bên và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

1. **Mức đầu tư dự kiến**

Dự kiến trị giá tổng vốn đầu tư ban đầu là 30 triệu USD để tiến hành xây lắp, mua sắm máy móc thiết bị cũng như các hạng mục đầu tư khác và vốn lưu động để đảm bảo sản xuất thit heo theo chuỗi.

Nhà đầu tư nước ngoài sẽ thu xếp nguồn vốn vay và đảm bảo nguồn tài chính với các điều kiện chung về vay vốn.

1. **Địa điểm**: các Bên trong dự án sẽ xác định địa diểm đặt công ty liên doanh

Đề xuất theo tỉnh: huyện thị

Tỉnh Sancti Spiritus: La Sierpe

Tỉnh Ciego de Avila: Ciego de Avila

Tỉnh Camaguey: Minas và Vertientes

Tỉnh Las Tunas: Puerto Padre

Tỉnh Granma: Manzanillo và Bayamo

Tỉnh Holguín: Cueto

Tỉnh Santiago de Cuba: Santiago de Cuba và Mella

Tỉnh Guantánamo: Guantánamo và Baracoa.

1. **Thị trường hướng tới của sản phẩm và/hoặc dịch vụ kinh doanh khác**

Các sản phẩm thịt heo sẽ được đưa ra kinh doanh trong thị trường Cuba tại chuỗi các cửa hàng, phục vụ khách du lịch, các công ty có cơ sở đầu tư tại Đặc khu Phát triển Mariel và xuất khẩu.

1. **Kết quả kinh doanh dự kiến**

Dự kiến sản xuất 350 nghìn tấn thịt heo và sản phẩm chế biến từ heo bao gồm các loại xúc xích, conformados và hun khói trong suốt vòng đời liên doanh

**Địa chỉ liên hệ**:GANADERIAS S.A

Email:

mdolores.oc@geg.cu

Jblanco.oc@geg.cu.

Cgutierrez.oc@geg.cu.

**III. DỰ ÁN: SẢN XUẤT THỊT BÒ CHẾ BIẾN CÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH THỊT BÒ PHA TRUYỀN THỐNG VÀ PHA ĐẶC BIỆT, CÁC LOẠI XÚC XÍCH VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÁC TỪ BÒ.**

1. **Mục tiêu**.

Phát triển chuỗi bò thịt trên cơ sở đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất hiện có hoặc thông qua liên kết theo chuỗi với các đơn vị sản xuất trong nước có trang trại nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ và/hoặc chế biến sản phẩm từ bò

Mục tiêu sản xuất 9 ngàn tấn thịt bò hơi/năm.

Đầu tư nước ngoài được hướng tới khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến, thay thế nhập khẩu, ưu tiên thay thế nhập khẩu lương thực, tiếp cận vốn vay nước ngoài, tạo công ăn việc làm mới, tiếp thu phương thức quản lý và gắn với phát triển chuỗi sản xuất, cũng như thay đổi ma trận năng lượng thông qua việc tận dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

1. **Phạm vi và cơ sở lý luận**

Gia tăng sản xuất bò và nuôi vỗ béo, mở rộng và hiện đại hóa năng lực sản xuất công nghiệp để pha thịt truyền thống và pha thịt đặc biệt, xúc xích và các sản phẩm khác từ bò. Dự kiến xây dựng chuồng trại vỗ béo và mua sắm hệ thống tưới tiêu cho đồng cỏ chăn thả và khu vực trồng thức ăn xanh bổ sung.

1. **Hình thức đầu tư**

Hình thức đề xuất là thành lập liên doanh theo quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài số 118, đăng trên Công báo nước Cộng hòa Cuba số ra đặc biệt 20 ngày 16 tháng 4 năm 2014.

1. **Đối tác Cuba**.

Các công ty thuộc Tập đoàn Chăn nuôi

1. **Thời hạn liên doanh**

Đề xuất thời hạn liên doanh là 20 năm. Bắt đầu thời hạn liên doanh được tính từ ngày đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Cuba, có thể gia hạn thêm 20 năm nữa theo thỏa thuận của hai Bên và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

1. **Mức đầu tư dự kiến**

Tổng mức đầu tư ban đầu dự kiến thực hiện là 6 triệu USD cho các hạng mục xây lắp, mua sắm máy móc thiết bị và các khoản đầu tư khác và vốn lưu động để đảo bảo hoạt động.

Nhà đầu tư nước ngoài sẽ thu xếp nguồn vốn vay và đảm bảo nguồn tài chính với các điều kiện chung về vay vốn.

1. **Địa điểm**

Đề xuất theo tỉnh: huyện thị và doanh nghiệp

Tỉnh Pinar del Río: Consolación del Sur (công ty Giống Camilo Cienfuegos)

Tỉnh Artemisa: Caimito (công ty Giống Los Naranjos)

Tỉnh La Habana: Guanabacoa (Công ty nông nghiệp Bacuranao)

Tỉnh Mayabeque: San José de las Lajas (Công ty chăn nuôi Valle del Perú)

Tỉnh Matanzas: Limonar (Công ty Giống Matanzas)

Tỉnh Villa Clara: Sagua la Grande (Công ty chăn nuôi Macún)

Tỉnh Cienfuegos: Aguada (Công ty nông nghiệp tổng hợp Cienfuegos)

Tỉnh Sancti Spiritus: Yaguajay (Công ty nông nghiệp Obdulio Morales và công ty chăn nuôi Managuaco)

Tỉnh Ciego de Avila: Ciego de Avila (Công ty Nông nghiệp Ruta Invasora)

Tỉnh Camaguey: Camaguey (Công ty chan uôi Camaguey)

Tỉnh Las Tunas (Công ty Nông nghiệp Las Tunas)

Tỉnh Granma: Jiguaní (công ty Giống và chăn uôi Manuel Fajardo)

Tỉnh Santiago de Cuba: Palmasoriano (Công ty Nông nghiệp tổng hợp Santiago)

1. **Thị trường hướng tới của sản phẩm và/hoặc dịch vụ kinh doanh khác**

Các sản phẩm thịt bò và chế biến từ bò sẽ được đưa ra kinh doanh trong thị trường Cuba tại chuỗi các cửa hàng, phục vụ khách du lịch, các công ty có cơ sở đầu tư tại Đặc khu Phát triển Mariel và xuất khẩu.

**Địa chỉ liên hệ**:GANADERIAS S.A

Email:

mdolores.oc@geg.cu

Jblanco.oc@geg.cu.

Cgutierrez.oc@geg.cu

**IV. DỰ ÁN: SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO Ở ĐỒNG BẰNG.**

**1. Mục tiêu, phạm vi và cơ sở của đề xuất:**

**Mục đích chung:**

Hoàn thiện dây chuyền sản xuất cà phê, tạo điều kiện cần thiết để thu mua cà phê từ các Nhà máy chế biến thuộc các vùng sản xuất chính của cả nước và rang xay các nhãn hiệu cà phê chất lượng cao khác nhau, điều chỉnh theo các thông số quốc tế của cà phê thông thường và cà phê hữu cơ.

**Phạm vi và phân tích**

Hiện nay, có nhiều vấn đề trong công nghệ và công nghiệp, về cơ bản là ở các quy trình thụ hưởng ướt và khô và các yếu tố khác của chuỗi sản xuất thu hái ảnh hưởng trực tiếp đến việc giảm số lượng và chất lượng cà phê thích hợp cho chế biến và giảm giá trị thương mại của nó.

Tương tự như vậy, các khoản đầu tư vào Đặc khu Phát triển Mariel (ZEDM) nhằm tạo ra năng lực rang và xay cà phê cho xuất khẩu và thị trường quốc gia bằng ngoại tệ của Công ty liên doanh NESCOR và Công ty CIMEX 100% vốn Cuba với nhu cầu khoảng 13 nghìn tấn cà phê vàng chất lượng cao không hài lòng với doanh số bán hàng hiện tại cho Cubacafé.

Dự án nhằm vào các ngách cụ thể trong các cực sản xuất của vùng núi, Guamuhaya và Artemisa, trong số những nơi khác, do đặc điểm khí hậu của chúng, sản xuất cà phê với chất lượng cảm quan lý tưởng để có được chất lượng cao nhất.

Đối với người sản xuất để trả cho cà phê chất lượng cao nhất, như một phần của chu kỳ sản xuất, dự án cung cấp cho họ một số lợi ích:

• Đảm bảo gói công nghệ và đầu tư vào vườn ươm, hệ thống tưới tiêu và các sản phẩm hữu cơ (phân bón và CREE).

• Tạo điều kiện đường xá thích hợp để vận chuyển.

• Hỗ trợ các hình thức sản xuất để vận chuyển cà phê anh đào từ điểm thu mua đến nhà máy nghiền nhỏ.

Để thành lập doanh nghiệp, cần đưa vào khai thác khoảng 14 nghìn ha, 10 nghìn cà phê robusta và 4 nghìn cà phê arabica ứng dụng công nghệ cao, thủy lợi, ... phân bố ở miền Trung và miền Tây đất nước. , ở 2 Cực Sản xuất, với mục đích tăng năng suất nông nghiệp và cải thiện chất lượng ngũ cốc hạt cà phê.

Ý tưởng là từ năm đầu tiên bán cà phê vàng xanh, có tính đến khoản đầu tư của các nhà rang xay sẽ là từ năm đầu tư thứ ba, để từ năm đầu tiên sẽ tạo ra thu nhập từ đó trả lãi tài chính.

Các điều kiện tài chính dự kiến ​​là:

* Thời hạn trả nợ gốc 10 năm.
* Ân hạn nợ gốc ba năm
* Lãi suất 5% năm.

**2. Loại hình đầu tư nước ngoài đề xuất:**

Một Hiệp hội Kinh tế Quốc tế được đề xuất dưới hình thức Công ty liên doanh theo Luật số 118, Luật Đầu tư nước ngoài, điều 13.1, tiểu mục a.

**3. Thời hạn hoặc Thời hạn hiệu lực:**

Thời hạn hiệu lực được đề xuất là 20 năm.

**4. Số tiền đầu tư ước tính và các chỉ số sinh lời chính:**

Tổng giá trị ước tính của khoản đầu tư ban đầu dự định thực hiện là 20 triệu đô la Mỹ, dành cho các khái niệm sau:

Đối tác nước ngoài 10 triệu cho: Hiện đại hoá thiết bị công nghệ của 2 nhàmáy chế biến 1 triệu 400 ngàn đô la Mỹ, Lắp ráp 1 nhà rang xay 7 triệu đô la Mỹ, Vận tải chuyên dụng và hạng nhẹ 1 triệu 600 ngàn đô la Mỹ và các nội thất, thiết bị CNTT., cho thuê và những thứ khác.

10 triệu cho phần Cuba về: cơ sở vật chất và phương tiện truyền thông.

**5. Vị trí**:

Các khu vực Dự trữ và Rang xay thuộc Công ty liên doanh được đề xuất sẽ nằm trong Công ty Chế biến Cà phê Luis Bocourt, ở Bahía Honda, Tỉnh Artemisa và Công ty Chế biến Cà phê Eladio Machín, ở Cumanayagua, Tỉnh Cienfuegos.

**6. Tình hình hiện tại của ngành hoặc dịch vụ sẽ thực hiện cho thấy nhu cầu liên kết với vốn nước ngoài:**

Sản xuất cà phê của Cuba chủ yếu được thực hiện ở 36 thành phố trực thuộc trung ương ở 9 tỉnh và trên Đảo Thanh niên. Tổng cộng có 848 thực thể của cơ sở sản xuất tham gia, với 38.606 giữa người sản xuất và người lao động. Khoảng 200 nghìn người, bao gồm cả sinh viên, tham gia vào thời kỳ thu hoạch.

Trong những năm gần đây, sản lượng cà phê của nước ta giảm sút đáng kể. Trong những năm 80, sản lượng trung bình là 21.770 tấn và năm sản xuất cao nhất 1982 với 28.170 tấn. Kể từ năm 2000, sản lượng đã giảm từ mức trung bình hàng năm là 13.500 tấn xuống còn 6.000 trong ba năm qua. Tại Cuba, 19,5 nghìn tấn cà phê rang xay được yêu cầu để đảm bảo việc bán theo quy định cho người dân. Hiện có khoảng 8000 tấn cà phê nhân được nhập khẩu để đáp ứng mục tiêu này.

Có 4 nhà máy chế biến (EPC Luis Bocourt, EPC Eladio Machín, EPC Rolando Ayub và EPC Asdrúbal López) là những ngành công nghiệp có công suất lớn 30.000 tấn, nhưng mức độ khai thác thấp so với công suất lắp đặt.

Bảng số 1. Bán xuất khẩu và thị trường nội địa. MU: hàng nghìn peso



Biểu đồ 1. Sản lượng cà phê



Biểu đồ 2. Sản lượng theo năm

****

**7. Thị trường**

Trong những năm gần đây, thị trường đã chứng kiến ​​xu hướng ngày càng tăng đối với việc tiêu thụ cà phê rang đậm hoặc cà phê espresso. Ngoài ra, có một xu hướng hướng tới việc định giá của người tiêu dùng đối với các loại cà phê đặc biệt, đại diện cho phân khúc tiêu dùng năng động nhất, bao gồm cà phê Người sành ăn.

Trong trường hợp của Cuba, mức xuất khẩu trung bình trong những năm gần đây là từ 800 tấn đến 1000 tấn mỗi năm, chủ yếu bị hạn chế bởi mức sản xuất cà phê arabic rửa sạch chất lượng cao thấp. Nhật Bản là khách hàng chính và với giá tốt nhất.

Trong khi giá cà phê Arabico hiện tại vào khoảng 3.100 USD / tấn thì giá cà phê xuất khẩu bình quân của Cuba trên 5.500 USD / tấn và đạt hơn 10.000 USD / tấn đối với loại Crystal Mountain.

Tại thị trường nội địa, các điểm đến tiếp thị chính là:

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm đến** | **Tấn** |
| Cubacafé | 7 000 |
| NESCOR | 3 000 |
| CIMEX Mariel | 2 000 |
| Xuất khẩu cà phê rang xay | 1 000 |
| Cà phê vàng xanh xuất khẩu | 3 000 |
| Tổng  | **16 000** |

**V. DỰ ÁN: CÔNG TY LIÊN DOANH CÔNG NÔNG NGHIỆP ĐỂ PHÁT TRIỂN CÂY CÓ MÚI VÀ CÂY ĂN QUẢ Ở TRUNG TÂM SẢN XUẤT MIỀN TÂY.**

**2. Mục tiêu của đề xuất:**

Mục tiêu của đề xuất là góp phần thay thế nhập khẩu, bằng cách tăng sản lượng quốc gia đối với bột trái cây, puree nước ép nguyên chất (juice), néctar,mứt xi-rô (ướt)và các loại chế biến khác, có chất lượng cao và giá cả cạnh tranh, cũng như đảm bảo nguồn cung ổn định của sản phẩm thông qua các quy trình trồng trọt, bảo quản, chế biến, phân phối và phục vụ khách hàng và người tiêu dùng một cách hiệu quả trên khắp cả nước.

**Phạm vi**

Dự án về cơ bản bao gồm chế biến công nghiệp để sản xuất nước trái cây cô đặc, tinh dầu và bột trái câyđóng gói nhỏ bằng bao bì vô trùng. Dự án tổng hợp bao gồm tài chính cho việc phát triển cây có múi và cây ăn quả nhằm đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định mà doanh nghiệp cần cho hoạt động của mình.

**Cơ sở lý luận**

Dự án dựa trên nhu cầu tài chính để phát triển cây có múi và cây ăn quả ở Trung tâm sản xuất miền Tây, đặc biệt là ở các vùng đất thuộc “Công ty Cây có múi Enrique Troncoso” và các cơ sở khác, nơi dự kiến ​​hiện đại hóa ngành công nghiệp chế biến.

**3. Nhận dạng các bên.**

Về phía Cuba:

Bên Cuba sẽ là Sociedad Mercantil CÍTRICOS CARIBE S.A. Công ty này thuộc hệ thống doanh nghiệp của Tập đoàn Nông nghiệp, trực thuộc Bộ Nông nghiệp.

**4. Hình thức đầu tư nước ngoài được đề xuất.**

Đề xuất hình thức *Công ty Liên doanh*, theo Luật Đầu tư Nước ngoài số 118 tại Cuba.

**5. Thời hạn hoặc Thời hạn hiệu lực.**

Đề xuất thời hạn hiệu lực là 25 năm.

Quá trình đầu tư ước tính kéo dài khoảng hai năm. Trong năm đầu tiên dự kiến Nghiên cứu tiền đầu tư và Quản lý thương mại để mua các dây chuyền công nghệ dự kiến ​​lắp đặt. Kể từ năm thứ 2, dự kiến cải tạo và trùng tu cơ sở vật chất.

**6. Số tiền đầu tư và các chỉ số sinh lời cơ bản:**

Số tiền đầu tư được trình bày chi tiết trong bảng sau:

**Bảng 2. Tổng chi phí đầu tư**

|  |  |
| --- | --- |
| Khoản  | x1000 USD |
| **Tổng đầu tư cố định** | **18.909,0** |
| Nâng cấpsửa chữa tài sản cố định đi thuê | 2.856,6 |
| Trang thiết bị | 12.845,7 |
| Trong đó: Thiết bị công nghệ | 11.994,3 |
| Quyền hưởng dụng | 3.206,7 |
| **Chi phí trước đầu tư**  |  **123,9** |
| Vốn lưu động |  409,1 |
| **TỔNG ĐẦU TƯ** | **19.442,0** |

Các khoản đầu tư ban đầu sẽ hướng đến việc kết hợp dây chuyền nghiền bột xoài và ổi để sản xuất nước ép trái cây nguyên chất và nectar và khởi động dây chuyền sản xuất nước ép dứa nguyên chất để thương mại hóa trên thị trường quốc tế, bán cho du lịch vàcác mạng lưới thị trường, với nguồn trái cây đến từ các đồn điền hiện có ở trung tâm sản xuất.

Theo mô hình được thực hiện trong Nghiên cứu tiền khả thi, dự án có thể cho các kết quả ước tính sau đây:

 **Bảng 3. Các chỉ tiêu kinh tế - tài chính ước tính:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ** | **21,9%** |
| **Giá trị hiện tại ròng** | **26,945.4 MUSD (với tỷ lệ chiết khấu là 12%)** |
| **Thời gian hoàn vốn (theo thu nhập qua các năm)** | **8,1 năm** |
| **Thời gian hoàn vốn có chiết khấu** | **10,8 năm** |

**7. Định vị vi mô**

Dự án sẽ được đặt tại các khu vực của Công ty cây có múi “Enrique Troncoso”, km2 của đường liên huyện đến La Coloma, tỉnh Pinar del Río. Khu đất mà Công ty liên doanh sẽ đặt trụ sở thuộc sở hữu của Nhà nước Cuba và được đăng ký trong quyển 1 và trang 20 cho SOCIEDAD MERCANTIL CÍTRICOS CARIBE S.A.

Đề xuất dự án này có thể được nhân rộng trong các khu vực của Công ty Cây có múi Ceiba và Công ty Công Nông nghiệp Jesús Montané Oropesa.

**8. Thị trường mà các sản phẩm hướng tới.**

Chương trình nông nghiệp của vùng sản xuất được lên kế hoạch đến năm 2030 bao gồm việc thúc đẩy cây ăn quả và cấy có múi ở hai vùng Ceiba-Troncoso, nơi có tiềm năng lớn nhất về nguồn nước và đất để phát triển cây trồng. Nguồn nguyên liệu sẽ đến từ các đơn vị sản xuất liên kết với các công ty, dự kiến ​​sản xuất của họ là 7 986,0 ha cây ăn quả và 3 934,5 ha cây có múi.

Đặc khu Phát triển Mariel, nơi dự kiến ​​các hoạt động thương mại chính ở Cuba, được coi là một cơ hội thị trường tuyệt vời, để kết nối với các khách hàng trong nước cũng như nền tảng để bán cho nước ngoài.

Khách hàng trong chính của bột trái cây nhiệt đới là các ngành công nghiệp đóng hộp của Bộ Công nghiệp Thực phẩm (Minal), có ảnh hưởng tích cực đến việc thay thế nhập khẩu bột trái cây và puree.

**Thị trường nước ngoài**. Xuất khẩu sẽ chủ yếu đến Liên minh châu Âu, là nhà nhập khẩu nước ép trái cây chính trên thế giới, dẫn đầu là Đức, nước nhập khẩu lớn nhất (24%) với 2,405 triệu lít tiêu thụ trong năm 2014, nhưng cũng có mức tiêu thụ bình quân đầu người cao nhất ở EU với 29,7 lít. Pháp, Vương quốc Anh, Tây Ban Nha và Ý là 5 điểm đến quan trọng nhất đối với sản phẩm của chúng tôi, vì cùng chiếm 46% nhập khẩu của khối này.

Ở phía đông và có thể là điểm đến cho các sản phẩm này là Trung Quốc và Nga, những nước này cũng là những nước tiêu thụ lớn nước ép trái cây và trước đây đã nhập khẩu các sản phẩm cô đặc quả có múi từ Cuba.

Những cân nhắc chính cần tính đến trong dự kiến ​​sản xuất nước ép trái cây và bột trái cây xuất khẩu khi Liên doanhđi vào vận hành:

• Sở thích của người tiêu dùng cho thấy xu hướng hướng tới các sản phẩm chế biến, tuân theo các tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh nghiêm ngặt, ít chất béo và không có chất bảo quản nhân tạo.

• Bột trái cây, dù đơn giản hay cô đặc, đều được bán đông lạnh hoặc đựng trong bao bì vô trùng.

• Số lượng công ty hoạt động trên thị trường trong lĩnh vực trái cây và rau quả chế biến rất cao.

• Canada và các nước Châu Âu như Đức, Pháp, Vương quốc Anh và Hà Lan, là những thị trường có cơ hội.

• Khu vực Caribe là một thị trường hấp dẫn để bán một số lượng đáng kể trái cây, cả tươi và chế biến.

**9. Các cân nhắc khác**

Tài chính để tăng cường trồng cây ăn quả

Mặc dù không phải là đối tượng của Nghiên cứu tiền khả thi, chúng tôi có thể nhận xét rằng, về nguyên tắc, dự kiến ​​tín dụng cho việc tăng cường trồng cây ăn quả làm nguyên liệu cho doanh nghiệp, có thể được thực hiện theo hai cách, tùy thuộc vào những gì được thỏa thuận trong các cuộc đàm phán với đối tác nước ngoài trong tương lai:

a) bằng một khoản ứng trước sẽ được phản ánh trong vốn lưu động của liên doanh mới để được trả lại sản phẩm, và theo nghĩa này, việc sản xuất sẽ được tài trợ bởi Liên doanh, về cơ bản là dành cho các vùng đất đang khai thác và với một hệ thống tưới tiêu và một gói công nghệ có thể làm tăng đáng kể năng suất;

b) tài chính cho công ty nhà nước để làm cơ sở sản xuất, đối với cây trồng mới như cam quýt và một số cây ăn quả cần từ 4 đến 5 năm để phát triển.

**VI. DỰ ÁN: TĂNG CƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP LÚA GẠO ỞTỈNH PINAR DEL RÍO.**

**1. Mục tiêu, phạm vi và cơ sở của đề xuất:**

**Mục đích:**

Mục tiêu chính của dự án là tăng cường ngành công nghiệp lúa gạo, tăng sản lượng thay thế nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm phụ.

**Phạm vi:**

• Phục hồi, thay thế, tự động hóa và hiện đại hóa các cơ sở chuyên dụng, nhà máy sấy khô, nhà máy xay sát, xưởng, phòng thí nghiệm, nhà kho và các cơ sở khác, cho phép chế biến công nghiệp hiệu quả và đảm bảo rằng gạo được tiêu thụ một cách bền vững, tương ứng với tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và giá cả cạnh tranh, giảm chi phí sản xuất.

**Phân tích:**

Với mức tiêu thụ bình quân đầu người khoảng 60 kg, hiện nhu cầu tiêu thụ hàng năm hơn 700 nghìn tấn gạo, trong đó sản lượng gạo tự sản xuất dưới 200 nghìn, chiếm 28,57%. Điều này có nghĩa là hàng năm Cuba phải nhập khẩu gạo từ 180 đến 293 triệu USDđể đáp ứng nhu cầu quốc gia.

**Bảng 1: Nhập khẩu gạo tiêu thụ ở Cuba.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết**  | **Đơn vị** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| Số lượng | t | 505.153 | 353.785 | 355,295 | 463.638 |
| Giá mua trung bình | USD/tấn | 579,3 | 551,2 | 542,7 | 582,8 |
| Giá trị | MP | 292.635,1 | 195.006,3 | 181.964,6 | 270.208,2 |

Nguồn: Được biên soạn từThống kê Cuba, ONEI 2019

Ước tính ngoại tệ mà Cuba sẽ ngừng giải ngân cho hàng nhập khẩu trong các năm hoạt động của doanh nghiệp là 31,8 triệu USD, tính đến 564 USD / tấn gạo tiêu thụ làm giá nhập khẩu (CIF).

**Bảng 2: Thay thế hàng nhập khẩu.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết** |  Ước lượng UM:MCUC |
| Tổng ước lượng  | **2021** | **2022** | **2023-2026** | **2027-2030** | **2031-2035** |
| Thị trường nội địa(t) |  | 8.004,0 | 9.004,5 | 10.005,0 | 18.009,0 | 18.360,0 |
| Giá trị nhập khẩu | 129.081,8 | 4.514,3 | 5.078,5 | 5.642,8 | 10.157,1 | 10.355,0 |
| Chi phí tiêu thụ gạo trung bình ở Cuba | 97.262,1 | 3.401,5 | 3.826,6 | 4.251,8 | 7.653,3 | 7.802,4 |
| Tiết kiệm ước tính từ việc thay thế nhập khẩu | 31.819,7 | 1.112,8 | 1.251,9 | 1.391,0 | 2.503,8 | 2.552,6 |

Cần phải hiểu rằng có những hạn chế đáng kể ngăn cản việc tăng sản xuất gạo cho tiêu dùng nội bộ địa, quan trọng nhất là những hạn chế được liệt kê dưới đây:

• Cơ sở hạ tầng nông nghiệp với tiềm năng sản xuất thấp, chủ yếu là do thiếu máy móc, dụng cụ và thiết bị để có thể loại bỏ các loài thực vật xâm lấn như cây Marabou1.

• Công nghệ lạc hậu, tình trạng hư hỏng khiến các hoạt động công nghiệp và tiền công nghiệp không phát triển, sản lượng kế hoạch không đạt được, ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng sản xuất.

**2. Xác định các bên hoặc đối tác và sự tham gia của họ trong dự án:**

Phần Cuba:

Công ty Nông nghiệp Hạt lúaLos Palacios, viết tắt là EAIG Los Palacios, trực thuộc Tập đoàn Kinh doanh Nông nghiệp.

Với hai cơ sở công nghiệp (nhà máy sấy và xay sát) với tổng quỹ đất là 45.819 ha, trong đó khu vực nhà nước chiếm 28.161,9 ha và diện tích sử dụng là 17.657,1 ha. Trong đó20.163 ha được dành để trồng lúa và 165,8 ha diện tích để trống.

Có một khu vực hợp tác của Công ty với hai công ty liên kết với các trang trại (Menelao Mora và Camilo Cienfuegos) và một khu vực hợp tác được ký hợp đồng bên ngoài Công ty tại thành phố.

**3. Phương thức đầu tư nước ngoài được đề xuất:**

Một Hiệp hội Kinh tế Quốc tế được đề xuất dưới sự bảo vệ của Luật số 118, Luật Đầu tư nước ngoài.

**4. Thời hạn hoặc Thời hạn hiệu lực:**

Thời hạn hiệu lực 25 năm được đề xuất kể từ khi đăng ký trong Cơ quan đăng ký thương mại, thời hạn này có thể được gia hạn.

**5. Số tiền đầu tư ước tính và các chỉ số sinh lời chính.**

Chi phí của khoản đầu tư ban đầu lên tới 15.416,2 MUSD bao gồm: Khoản đầu tư cố định 13.708,3 MUSD; 285.1 MUSD Chi phí ban đầu; Vốn lưu động ban đầu cần thiết là 1.422,8 MUSD được trình bày trong bảng sau.

**Bảng 3: Tổng đầu tư UM: MUSD**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đầu tư** | **Tổng** | **2021** |
| Đầu tư cố định (1) | 13.708,3 | 13.708,3 |
| Chi phí sản xuất ban đầu (2) | 285.1 | 285.1 |
| Vốn cố định (1+2)=(3) | **13.993,4** | **13.993,4** |
| Vốn lưu động ban đầu (4) | 1.422,8 | 1.422,8 |
| **TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (3 + 4)** | **15.416,2** | **15.416,2** |

Với khoản đầu tư này và từ hoạt động kinh doanh, người ta ước tính sẽ thu được những kết quả khả quan nếu xét một dự án có lãi vừa phải dựa trên các chỉ tiêu kinh tế mà nó cho thấy:

**NPV (12%):** 14 056,28 triệu USD

**IRR:** 28,78%

**Cập nhật thời gian hoàn vốn:** 6,32 năm.

**RVAN:** 0,86 USD.

**7. Vị trí**

Hoạt động kinh doanh được đề xuất sẽ diễn ra trong các cơ sở công nghiệp thuộc UEBI Camilo Cienfuegos thuộcCông ty Nông nghiệp Hạt lúaLos Palacios. UEBI Camilo Cienfuegos nằm ở thị trấn Paso Real de San Diego trong cùng một huyện Los Palacios.

Xét đến sự đồng nhất về công nghệ của Chương trình lúa gạo trong nước và sự tồn tại của các hướng dẫn kỹ thuật cho chuỗi sản xuất lúa gạo, đề xuất nhân rộng dự án này ở các công ty gạo thuộc Tập đoàn kinh doanh nông nghiệp, điều này sẽ cho phép hỗ trợ lúa gạo. Chương trình bằng các nguồn tài chính khác.

**8. Thực trạng của ngành**

Ngành công nghiệp hiện tại có công suất xay sát dưới công suất sản xuất và sấy của công ty, năng suất công nghiệp trong tiêu thụ lúa gạo dưới 60% và trên toàn thế giới là 68%.

Trong số các yếu tố cơ bản mô tả tình hình hiện tại của ngành là:

• Thiếu hụt máy bay để bón phân.

• Sử dụng kém công suất công nghiệp đã lắp đặt.

• Thiếu đất san lấp và chuẩn bị đất

• Đất nghèo dinh dưỡng với độ mặn cao, cũng như xuất hiện sâu bệnh hại cây trồng do thiếu hóa chất nông nghiệp.

• Không đủ đầu vào để đảm bảo sản xuất và có xu hướng tăng giá.

• Vấn đề về chất lượng và nguồn nguyên liệu sẵn có cho ngành (lúa nước).

**9. Thị trường đích của các sản phẩm thu được từ việc kinh doanh.**

Sản xuất gạo để tiêu thụ cho thị trường nội địa sẽ được tiếp thị cho ZEDM, cũng như cho mạng lưới bán lẻ và du lịch, góp phần làm tăng 1,60% nhu cầu không được đáp ứng trong năm đầu tiên hoạt động của hiệp hội, đạt 3,67% vào năm 2031.

**Bảng 4: Sự thỏa mãn nhu cầu.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết** | **Đơn vị** | **2021** | **2022** | **2023-2025** | **2026-2030** | **2031-2035** |
| Tiêu thụ gạo sản xuất | Tấn | 8.004,0 | 9.004,5 | 10.005,0 | 18.009,0 | 18.360,0 |
| Đáp ứng nhu cầu | % | 1,60 | 1,80 | 2,00 | 3,60 | 3,67 |

Đề xuất xuất khẩu tất cả các sản phẩm phụ như một cách để duy trì tính thanh khoản của doanh nghiệp và phân bổ sản xuấtlượng gạo cho tiêu dùng trong nước, với mục đích thay thế một phần nhập khẩu mà quốc gia hiện đang thực hiện.

**10. Kết quả kinh doanh.**

Thu nhập được dự đoán sẽ dao động trong khoảng 6.496,7 triệu USD trong năm đầu tiên, lên đến 13.604,2 triệu USD trong năm 11, tiếp tục cho đến năm 25, dựa trên sự gia tăng sản lượng, cả nông nghiệp và công nghiệp.

Bảng tình hình hoạt động tài chính cho thấy rằng với những điều kiện này, doanh nghiệp có lãi hàng năm, không phải giữ lại bất kỳ lúc nào.

Dòng tiền cho Kế hoạch tài chính cho thấy rằng có thể đáp ứng tất cả các cam kết tài chính của mình và thực hiện các khoản tái đầu tư cần thiết. Thay thế được thực hiện với giá ước tính 1.971,3 MUSD.

Bảng 3, “Dòng tiền hoàn vốn đầu tư cho thấy dự án có kết quả khả quan với tỷ lệ chiết khấu 12%.